

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

Số: 16200/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cử Chi, ngày 9 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách năm 2023
trình Hội đồng nhân dân huyện**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Công văn số 5507/STC-NS ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Tờ trình số 10904/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023.

Xét đề nghị của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tại Tờ trình số 3276/TTr-TCKH ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc công bố công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách năm 2023 trình Hội đồng nhân dân huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách năm 2023 trình Hội đồng nhân dân huyện (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện thực hiện công khai Quyết định này trên trang thông tin điện tử huyện Củ Chi (mục Công khai ngân sách) theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài Chính - Kế hoạch huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính Thành phố;
- TT. HĐND huyện;
- TT. UBND huyện;
- Ban Quản trị website;
- Lưu: VT, P.TCKH.2.NTTHuyen.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Thanh Hiền

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16.200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (1)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	1.823.342	2.548.930	2.342.937	91,92%
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	117.896	241.304	140.784	58,34%
	- Thu ngân sách huyện hưởng 100%	48.596	168.241	60.879	36,19%
	- Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	69.300	73.063	79.905	109,36%
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.555.888	1.710.621	2.020.331	118,11%
	- Thu bổ sung cân đối	1.546.788	1.546.788	2.019.531	130,56%
	- Thu bổ sung có mục tiêu	9.100	163.833	800	0,49%
III	Thu kết dư	48.861	265.514	115.128	43,36%
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	100.697	331.491	66.694	20,12%
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	1.811.116	1.718.880	2.337.547	129%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	1.810.116	1.717.880	2.336.547	129%
1	Chi đầu tư phát triển	-	5.989	-	
2	Chi thường xuyên	1.763.511	1.711.891	2.288.276	130%
3	Dự phòng ngân sách	46.605	-	48.271	104%
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.000	1.000	1.000	100%
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.000	1.000	1.000	100%
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-	

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của
Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022	Ước thực hiện năm 2022	Dự toán năm 2023	So sánh (1) (%)
A	B	1	2	3	5
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	1.781.014	2.304.710	2.261.779	98,14%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	92.391	130.937	97.912	74,78%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	1.555.888	1.710.621	2.020.331	118,11%
-	Thu bổ sung cân đối	1.546.788	1.546.788	2.019.531	130,56%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	9.100	163.833	800	
3	Thu kết dư	48.861	222.136	115.128	51,83%
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	83.874	241.016	28.408	11,79%
II	Chi ngân sách	1.768.788	1.692.309	1.969.349	111,34%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	1.500.568	1.429.457	1.682.309	112,11%
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	268.220	262.852	287.040	107,02%
-	Chi bổ sung cân đối	268.220	262.566	287.040	107,02%
-	Chi bổ sung có mục tiêu	-	286	-	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	-	-	-	
B	NGÂN SÁCH XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	310.548	519.693	368.198	70,85%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	25.505	110.367	42.872	38,84%
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	268.220	262.852	287.040	109,20%
-	Thu bổ sung cân đối	268.220	262.566	287.040	109,32%
-	Thu bổ sung có mục tiêu	-	286	-	
3	Thu kết dư	-	43.378	-	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	16.823	103.096	38.286	37,14%
II	Chi ngân sách	310.548	302.043	368.198	118,56%

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chí)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Ước thực hiện năm 2022		Dự toán năm 2023		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Thu nội địa	2.000.000	241.304	1.421.500	140.784	71,08%	58,34%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	-	-	-	-		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	12.809	-	14.360	-	112,11%	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	23	-	15	-	65,22%	
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	387.169	73.222	385.625	80.030	99,60%	109,30%
	- Thuế Giá trị gia tăng	235.686	44.793	235.500	49.455	99,92%	110,41%
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	146.321	28.270	145.000	30.450	99,10%	107,71%
	- Thuế tiêu thu đặc biệt	5.000	-	5.000	-	100,00%	
	- Tiền phạt do ngành thuế quản lý	-	-	-	-		
	- Thuế tài nguyên	162	159	125	125	77,16%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	638.000	-	250.000	-	39,18%	
6	Thuế bảo vệ môi trường	500	-	500	-	100,00%	
7	Lệ phí trước bạ	300.000	131.167	200.000	32.000	66,67%	24,40%
8	Thu phí, lệ phí	78.000	18.543	80.000	14.385	102,56%	77,58%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	-	-	-	-		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.300	5.242	3.000	3.000	56,60%	57,23%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	59.700	-	60.000	-	100,50%	
12	Thu tiền sử dụng đất	484.084	-	400.000	-	82,63%	
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	-	-	-		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	-	-	-	-		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	-	-	-		
16	Thu khác ngân sách	34.416	13.130	28.000	11.369	81,36%	86,59%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	-	-	-	-		
II	Thu viện trợ	-	-	-	-		

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI
NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.337.547	1.969.349	368.198
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.336.547	1.968.349	368.198
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-	-	-
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	-	-	-
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	-
-	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	-
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	-	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	-
II	Chi thường xuyên	2.288.276	1.925.932	362.344
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.182.323	1.182.323	-
2	Chi khoa học và công nghệ	-	-	-
III	Dự phòng ngân sách	48.271	42.417	5.854
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.000	1.000	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.000	1.000	-
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT	1.000	1.000	-
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	-	-	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC
NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện
Củ Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	2.337.547
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP XÃ	287.040
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	2.337.547
I	Chi đầu tư phát triển	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	-
2	Chi đầu tư phát triển khác	-
II	Chi thường xuyên	2.289.276
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	1.182.323
-	Chi khoa học và công nghệ	-
-	Chi quốc phòng	54.421
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	21.358
-	Chi y tế, dân số và gia đình	149.516
-	Chi văn hóa thông tin	8.051
-	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	6.697
-	Chi thể dục thể thao	4.424
-	Chi bảo vệ môi trường	46.588
-	Chi các hoạt động kinh tế	223.345
-	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	426.884
-	Chi bảo đảm xã hội	151.815
-	Chi thường xuyên khác	13.854
III	Dự phòng ngân sách	48.271
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	1.969.349	-	1.968.349	-	-	1.000	-	1.000	-
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	1.926.932	-	1.925.932	-	-	1.000	-	1.000	-
1	Văn phòng HĐND - UBND huyện	11.454	-	11.454	-	-	-	-	-	-
2	Phòng Kinh tế huyện	3.401	-	3.401	-	-	-	-	-	-
3	Phòng Tư pháp huyện	2.663	-	2.663	-	-	-	-	-	-
4	Phòng Quản lý Đô thị huyện	5.215	-	5.215	-	-	-	-	-	-
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	6.688	-	6.688	-	-	-	-	-	-
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	7.450	-	7.450	-	-	-	-	-	-
7	Phòng Y tế huyện	8.154	-	8.154	-	-	-	-	-	-
8	Phòng Lao động TBXH huyện	174.853	-	174.853	-	-	-	-	-	-
9	Phòng Văn hóa & Thông tin huyện	2.581	-	2.581	-	-	-	-	-	-
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	6.995	-	6.995	-	-	-	-	-	-
11	Phòng Nội vụ huyện	14.063	-	14.063	-	-	-	-	-	-
12	Thanh tra huyện	3.108	-	3.108	-	-	-	-	-	-
13	Đội Quản lý Trật tự Đô thị huyện	7.646	-	7.646	-	-	-	-	-	-
14	Trung tâm GDNN-GDTX	6.996	-	6.996	-	-	-	-	-	-
15	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Trường trung cấp nghề Củ Chi	8.669	-	8.669	-	-	-	-	-	-
17	Bệnh viện huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Trung tâm Y tế dự phòng huyện	69.808	-	69.808	-	-	-	-	-	-
19	Bảo hiểm Xã hội huyện	51.326	-	51.326	-	-	-	-	-	-
20	Trung tâm Văn hóa huyện	5.735	-	5.735	-	-	-	-	-	-
21	Đài truyền thanh huyện	6.697	-	6.697	-	-	-	-	-	-
22	Nhà thiếu nhi huyện	1.616	-	1.616	-	-	-	-	-	-
23	Trung tâm thể dục thể thao huyện	4.424	-	4.424	-	-	-	-	-	-
24	Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện	3.176	-	3.176	-	-	-	-	-	-
25	Đoàn TNCS huyện	2.798	-	2.798	-	-	-	-	-	-
26	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	2.919	-	2.919	-	-	-	-	-	-
27	Hội Nông dân huyện	3.048	-	3.048	-	-	-	-	-	-
28	Hội cựu chiến binh huyện	1.284	-	1.284	-	-	-	-	-	-
29	Hội chữ thập đỏ	1.107	-	1.107	-	-	-	-	-	-
30	Ban Chỉ huy Quân sự huyện	5.000	-	5.000	-	-	-	-	-	-
31	Công an huyện	4.000	-	3.000	-	-	1.000	-	1000	-
32	Ban Quản lý Dự án ĐTXD huyện	276.021	-	276.021	-	-	-	-	-	-

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
							Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
33	Ban Quản lý Chợ	257	-	257	-	-	-	-	-	-
34	Ban BBT - GPMB	2.144	-	2.144	-	-	-	-	-	-
35	BQL Bến xe Cù Chi	107	-	107	-	-	-	-	-	-
36	Viện Kiểm sát	-	-	-	-	-	-	-	-	-
37	Thị hành án	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Tòa án	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	Thông kê	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và các đơn vị trực thuộc	1.157.867	-	1.157.867	-	-	-	-	-	-
41	Các nội dung chưa phân bổ	57.661	-	57.661	-	-	-	-	-	-
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	42.417	-	42.417	-	-	-	-	-	-
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-	-	-	-	-	-	-	-	-
IV	CHI BỔ SUNG CỐ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH XÃ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN



ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 75/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC
NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cù Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội
											Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi hoạt động của cơ quan nhà nước, đảng, đoàn thể		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	TỔNG SỐ														
	Không phát sinh														

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Biểu số 76/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)
(Đính kèm Quyết định số 1620/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cú Chi)

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục đào tạo và đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó			Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản	Chi giao thông	Chi 13	Chi 14	Chi 15	Chi 16
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	
	TỔNG SỐ	1.969.349	1.182.373	-	5.000	3.000	146.636	7.851	6.697	4.424	46.588	206.297	146.732	9.337	156.062	149.659	54.812	
1	Văn phòng HĐND - UBND huyện	11.454	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.454	-	-	-
2	Phòng Kinh tế huyện	3.401	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.401	-	-	-
3	Phòng Tư pháp huyện	2.663	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.663	-	-	-
4	Phòng Quản lý Đô thị huyện	5.215	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	5.215	-	-	-
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	6.688	150	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	6.538	-	-	-
6	Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện	7.450	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.450	-	-	-
7	Phòng Y tế huyện	8.154	-	-	-	-	5.222	-	-	-	-	-	-	-	2.932	-	-	-
8	Phòng Lao động TBXH huyện	174.891	-	-	-	-	18.943	-	-	-	-	500	-	-	4.819	147.629	3.000	-
9	Phòng Văn hóa & Thông tin huyện	2.581	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.581	-	-	-
10	Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện	6.995	-	-	-	-	-	-	-	-	100	-	-	-	5.695	-	-	-
11	Phòng Nội vụ huyện	14.063	2.300	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	11.763	-	-	-
12	Thanh tra huyện	3.108	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.108	-	-	-
13	Đội Quản lý Trật tự Đô thị huyện	7.646	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
14	Trung tâm GDNN-GDTX	6.996	6.996	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.646	-	-	-
15	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
16	Trường trung cấp nghề Cù Chi	8.669	8.669	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
17	Bệnh viện huyện	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
18	Trung tâm Y tế dự phòng huyện	69.808	-	-	-	-	69.808	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
19	Bảo hiểm Xã hội huyện	51.326	-	-	-	-	50.092	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.234	-
20	Trung tâm Văn hóa huyện	5.735	-	-	-	-	-	5.735	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
21	Đài truyền thanh huyện	6.697	-	-	-	-	-	-	6.697	-	-	-	-	-	-	-	-	-
22	Nhà thiếu nhi huyện	1.616	-	-	-	-	-	1.616	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục đào tạo và đạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và thông tin	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tín	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
23	Trung tâm thể dục thể thao huyện	4.424	-	-	-	-	-	-	-	4.424	-	-	-	-	-	-	-
24	Ủy ban mặt trận tổ quốc huyện	3.176	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.176	-	-
25	Đoàn TNCS huyện	2.798	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.798	-	-
26	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện	2.919	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.919	-	-
27	Hội Nông dân huyện	3.048	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.048	-	-
28	Hội cựu chiến binh huyện	1.284	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.284	-	-
29	Hội chữ thập đỏ	1.107	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.107	-	-
30	Ban chỉ huy quân sự huyện	5.000	-	-	5.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
31	Công an huyện	4.000	-	-	-	3.000	-	-	-	-	-	1.000	-	-	-	-	-
32	Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng khu vực huyện	276.021	6.341	-	-	-	2.571	-	-	-	35.988	201.088	146.732	9.337	29.242	790	-
33	Ban Quản lý Chợ	257	-	-	-	-	-	-	-	-	-	257	-	-	-	-	-
34	Ban BBT - GPMB	2.144	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.144	-	-	-	-	-
35	BQL Bến xe Củ Chi	107	-	-	-	-	-	-	-	-	-	107	-	-	-	-	-
36	Viện Kiểm sát	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
37	Thị hành án	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
38	Tòa án	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
39	Thống kê	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
40	Các trường Mầm non, Tiểu học, THCS và các đơn vị trực thuộc	1.157.867	1.157.867	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
41	Các nội dung chưa phân bổ	100.039	-	-	-	-	-	500	-	-	10.500	-	-	-	37.222	6	51.812

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

(Chữ ký)

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÚ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ
NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương	10% TK CTX dùng để CCTL	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
				Thu ngân sách xã hưởng 100%	Thu phân chia						
					Tổng số	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia					
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8	9	10=2+6+7+8+9
	TỔNG SỐ	56.132	42.872	11.932	44.200	30.940	260.636	26.404	5.409	32.877	368.198
1	UBND xã Trung An	3.159	2.379	559	2.600	1.820	-	-	-	-	-
2	UBND xã Phước Vĩnh An	2.128	1.648	528	1.600	1.120	-	-	-	-	-
3	UBND xã Phạm Văn Cội	1.790	1.310	190	1.600	1.120	-	-	-	-	-
4	UBND xã Tân Thạnh Đông	4.031	3.071	831	3.200	2.240	-	-	-	-	-
5	UBND xã Nhuận Đức	2.055	1.545	355	1.700	1.190	-	-	-	-	-
6	UBND xã Phú Hòa Đông	2.805	2.115	505	2.300	1.610	-	-	-	-	-
7	UBND xã Trung Lập Hạ	2.512	1.852	312	2.200	1.540	-	-	-	-	-
8	UBND xã Phú Mỹ Hưng	1.965	1.425	165	1.800	1.260	-	-	-	-	-
9	UBND xã Tân Thông Hội	2.516	2.066	1.016	1.500	1.050	-	-	-	-	-
10	UBND xã Tân An Hội	2.847	2.247	847	2.000	1.400	-	-	-	-	-
11	UBND xã Phước Hiệp	2.551	1.861	251	2.300	1.610	-	-	-	-	-
12	UBND xã Thái Mỹ	2.525	1.835	225	2.300	1.610	-	-	-	-	-
13	UBND xã Bình Mỹ	5.876	4.436	1.076	4.800	3.360	-	-	-	-	-
14	UBND xã An Phú	2.193	1.593	193	2.000	1.400	-	-	-	-	-
15	UBND xã Hòa Phú	1.927	1.507	527	1.400	980	-	-	-	-	-
16	UBND xã Tân Phú Trung	4.206	3.426	1.606	2.600	1.820	-	-	-	-	-
17	UBND xã Thị Trấn	2.521	2.161	1.321	1.200	840	-	-	-	-	-
18	UBND xã An Nhơn Tây	3.347	2.447	347	3.000	2.100	-	-	-	-	-
19	UBND xã Phước Thạnh	1.714	1.324	414	1.300	910	-	-	-	-	-
20	UBND xã Tân Thạnh Tây	1.846	1.426	446	1.400	980	-	-	-	-	-
21	UBND xã Trung Lập Thượng	1.618	1.198	218	1.400	980	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2023**

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16.200 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1	2	3	4
	TỔNG SỐ	Không phát sinh			

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CÙ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)

(Đính kèm Quyết định số 16200/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia (Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông)						
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Tổng số	Đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp		
						Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước
A	B	1=2+3	2	3	4=5+8	5=6+7	6	7	8=9+10	9	10
	TỔNG SỐ	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	1.000	1.000	-
I	Ngân sách cấp huyện	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	1.000	1.000	-
1	Công an huyện	1.000	-	1.000	1.000	-	-	-	1.000	1.000	-
II	Ngân sách xã	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

(Chữ ký)

THAI ANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân huyện)
(Đính kèm Quyết định số 16200 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Cù Chi)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư		Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2023		Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2023		Kế hoạch vốn năm 2023							
				Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư được duyệt												
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn	Tổng số	Chia theo nguồn vốn	Tổng số	Chia theo nguồn vốn						
												Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh	Ngoài nước	Ngân sách cấp tỉnh
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
TỔNG SỐ		Không phát sinh															

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

BÁO CÁO THUYẾT MINH
SỐ LIỆU PHÂN BỐ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023
TRÌNH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2023-2025;

Căn cứ Công văn số 5507/STC-NS ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Sở Tài chính về hướng dẫn xây dựng dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2023-2025;

Căn cứ Tờ trình số 10904/TTr-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023.

Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi công khai số liệu phân bổ dự toán ngân sách huyện năm 2023 trình Hội đồng nhân dân huyện như sau:

A.VỀ CHỈ TIÊU THÀNH PHỐ GIAO DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2023

I. TỔNG DỰ TOÁN THU NSNN NĂM 2023

Tổng dự toán thu NSNN năm 2023 là 1.421.500 triệu đồng, tăng 195.100 triệu đồng, tương ứng tăng 15,9% so với dự toán năm 2022 (1.226.400 triệu đồng). Bao gồm:

- Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý: 14.360 triệu đồng, tăng 10.360 triệu đồng, tương ứng tăng 259% so với dự toán năm 2022 (4.000 triệu đồng).
- Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài: 15 triệu đồng (dự toán năm 2022: không giao).
- Thuế CTN ngoài quốc doanh: 385.625 triệu đồng, tăng 49.625 triệu đồng, tương ứng tăng 14,77% so với dự toán năm 2022 (336.000 triệu đồng).
- Thuế thu nhập cá nhân: 250.000 triệu đồng, tăng 85.000 triệu đồng, tương ứng tăng 51,52% so với dự toán năm 2022 (165.000 triệu đồng).

- Lệ phí trước bạ: 200.000 triệu đồng, tăng 60.000 triệu đồng tương ứng tăng 42,86% so với dự toán năm 2022 (140.000 triệu đồng).
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 3.000 triệu đồng, tăng 600 triệu đồng tương ứng tăng 25% so với dự toán năm 2022 (2.400 triệu đồng).
- Tiền thuê đất: 60.000 triệu đồng, bằng so với dự toán năm 2022 (60.000 triệu đồng).
- Tiền sử dụng đất: 400.000 triệu đồng, giảm 30.000 triệu đồng tương ứng giảm 7% so với dự toán năm 2022 (430.000 triệu đồng).
- Thuế bảo vệ môi trường: 500 triệu đồng, giảm 500 triệu đồng tương ứng giảm 50% so với dự toán năm 2022 (1.000 triệu đồng).
- Phí, lệ phí: 71.042 triệu đồng, tăng 28.042 triệu đồng, tăng tương ứng 65,21% so với dự toán năm 2022 (43.000 triệu đồng).
- Lệ phí môn bài: 8.958 triệu đồng, tăng 1.958 triệu đồng, tăng tương ứng 27,97% so với dự toán năm 2022 (7.000 triệu đồng).
- Thu khác: 28.000 triệu đồng, giảm 10.000 triệu đồng, giảm tương ứng 26,32% so với dự toán năm 2022 (38.000 triệu đồng).

II. TỔNG THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Tổng thu ngân sách địa phương (không bao gồm chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là 2.227.809 triệu đồng, tăng 453.328 triệu đồng tương ứng tăng 25,55% so với dự toán năm 2022 (1.774.481 triệu đồng). Trong đó:

- Các khoản thu 100% ngân sách địa phương: 60.879 triệu đồng.
- Các khoản thu phân chia phần ngân sách địa phương được hưởng: 79.905 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 2.019.531 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 800 triệu đồng.
- Nguồn cải cách tiền lương của đơn vị để cân đối chi thường xuyên: 66.694 triệu đồng.

III. TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

Tổng chi ngân sách địa phương (không bao gồm chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách): 2.227.809 triệu đồng, tăng 453.328 triệu đồng tương ứng tăng 25,55% so với dự toán năm 2022 (1.774.481 triệu đồng). Chủ yếu tăng chi thu nhập tăng thêm theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội với hệ số tăng thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức dự kiến là 1,8 lần so với tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ; các chính sách mới phát sinh, điều chỉnh tăng như: Chính sách đặc thù hỗ trợ học phí đối với học sinh phổ thông công lập, ngoài công lập và học viên giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện năm học 2022-2023 theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Thành

phố; hỗ trợ đối với chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 và năm 2023 Thành phố giao lại Trung tâm Y tế huyện về Ủy ban nhân dân huyện quản lý.

B. DỰ TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH NĂM 2023 PHÂN BỐ TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

Căn cứ chỉ tiêu dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2023 do Thành phố giao nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện dự kiến thu chi ngân sách địa phương như sau:

I. DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Dự toán thu ngân sách nhà nước là 1.421.500 triệu đồng. Trong đó: Giao các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 32.625 triệu đồng.

II. PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

Phân bổ dự toán thu ngân sách địa phương: Tổng thu ngân sách địa phương (không bao gồm chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là 2.342.937 triệu đồng, tăng 519.596 triệu đồng tương ứng tăng 28,5% so với dự toán năm 2022 (1.823.342 triệu đồng). Trong đó:

1. Dự toán thu ngân sách cấp huyện: 2.261.779 triệu đồng

- Các khoản thu 100% ngân sách địa phương: 48.947 triệu đồng.
- Các khoản thu phân chia phần ngân sách địa phương được hưởng: 48.965 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 2.019.531 triệu đồng.
- Thu bổ sung có mục tiêu: 800 triệu đồng.
- Thu nguồn cải cách tiền lương còn lại để cân đối chi thường xuyên: 28.408 triệu đồng.
- Dự kiến thu kết dư chưa có mục tiêu để thực hiện cân đối nhiệm vụ chi thường xuyên phát sinh ngoài dự toán thành phố giao: 115.128 triệu đồng.

2. Dự toán thu ngân sách cấp xã: 368.198 triệu đồng

- Các khoản thu 100% ngân sách địa phương: 11.932 triệu đồng.
- Các khoản thu phân chia phần ngân sách địa phương được hưởng: 30.940 triệu đồng.
- Thu bổ sung cân đối ngân sách: 287.040 triệu đồng.
- Thu nguồn cải cách tiền lương còn lại để cân đối chi thường xuyên: 38.286 triệu đồng.

III. DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

1. Nguyên tắc phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2023

Đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo đúng chính sách, chế độ, định mức hiện hành; cân đối để thực hiện các chế độ, chính sách đã được cấp có thẩm quyền ban hành và thực hiện công khai, minh bạch, đúng theo quy định của pháp luật.

Năm 2023 là năm giữa nhiệm kỳ, thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025. Thực hiện theo nguyên tắc xây dựng dự toán do Bộ Tài chính, Sở Tài chính Thành phố hướng dẫn, Ủy ban nhân dân huyện bố trí dự toán năm 2023 theo từng lĩnh vực trên cơ sở số liệu công khai dự toán năm 2023 của Sở Tài chính Thành phố và nguyên tắc xây dựng dự toán chi ngân sách năm 2023 của Sở Tài chính được Ủy ban nhân dân Thành phố thống nhất tại Công văn 4488/UBND-KT ngày 28 tháng 11 năm 2022. Cụ thể:

- Đảm bảo chi hoạt động thường xuyên theo đúng chính sách, chế độ, định mức chi tiêu hiện hành (kể cả các chính sách của huyện).

- Trích dự phòng ngân sách phù hợp với tình hình thực tế của huyện.

2. Phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương

Tổng chi ngân sách địa phương (không bao gồm chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách) là 2.337.547 triệu đồng, tăng 526.431 triệu đồng tương ứng tăng 29,07% so với dự toán năm 2022 (1.811.116 triệu đồng). Trong đó:

2.1 Phân bổ dự toán chi ngân sách huyện : 1.969.349 triệu đồng

2.1.1 Sự nghiệp kinh tế : 252.884 triệu đồng

a) Sự nghiệp kiến thiết thị chính: 42.763 triệu đồng.

* Chăm sóc công viên, cây xanh:

- Dự toán Thành phố giao : 28.428 triệu đồng

+ Sản lượng cụ thể: Thảm cỏ và bồn hoa kiềng: 47.333 m²; Vệ sinh đường nội bộ: 30.788 m²; Chăm sóc cây xanh: 41.371 cây (cụ thể: Loại 1: 23.504 cây; Loại 2: 5.117 cây; Loại 3: 1.339 cây; Loại mới trồng: 11.411 cây)

+ Tiết kiệm giữ lại ngân sách Thành phố : 0 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao: 28.428 triệu đồng, trong đó thực hiện tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách huyện.

* Duy tu thoát nước:

- Dự toán Thành phố giao : 14.335 triệu đồng

+ Nạo vét cống D400-D2.000 : 12.515 triệu đồng

+ Nạo vét hầm ga : 517 triệu đồng

+ Thuế giá trị gia tăng (10%) : 1.303 triệu đồng

+ Tiết kiệm giữ lại ngân sách Thành phố : 0 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao: 14.335 triệu đồng, trong đó thực hiện tiết kiệm 10% giữ lại ngân sách huyện.

b) *Sự nghiệp duy tu giao thông: 146.733 triệu đồng.*

- Dự toán Thành phố giao : 107.334 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 146.733 triệu đồng

Dự toán dự kiến giao: 146.732 triệu đồng, trong đó: dự toán Thành phố giao: 107.334 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 39.399 triệu đồng.

c) *Sự nghiệp nông lâm thủy lợi: 9.337 triệu đồng.*

- Dự toán Thành phố giao : 3.838 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 9.337 triệu đồng

Dự toán dự kiến giao: 9.337 triệu đồng, trong đó: dự toán Thành phố giao: 3.838 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 5.499 triệu đồng.

d) *Sự nghiệp môi trường: 46.588 triệu đồng*

- Dự toán Thành phố giao : 45.737 triệu đồng
- + Công tác quét rác : 23.174 triệu đồng
- * Lòng đường, dải phân cách : 20.866 triệu đồng

trong đó:

(Ban đêm: $151.530.000 \text{ m}^2 \times 131.363 \text{ đ}/1000 \text{ m}^2 = 19.906 \text{ triệu đồng}$)

Ban ngày: $9.246.000 \text{ m}^2 \times 103.818 \text{ đ}/1000 \text{ m}^2 = 960 \text{ triệu đồng}$)

- * Via hè: $1.944.000 \text{ m}^2 \times 103.818 \text{ đ}/1000 \text{ m}^2$: 201 triệu đồng
- * Tiết kiệm giữ lại ngân sách Thành phố : 0 triệu đồng
- * Thuế giá trị gia tăng (10%) : 2.107 triệu đồng
- + Công tác vận chuyển rác : 3.827 triệu đồng, trong đó:
- * Công tác vận chuyển rác : 18.186 triệu đồng
- * Giảm trừ thu giá từ chủ nguồn thải : -16.178 triệu đồng
- * Tiết kiệm 4% giữ lại ngân sách Thành phố : 0 triệu đồng
- * Thuế giá trị gia tăng (10%) : 1.819 triệu đồng
- + Vận hành trạm trung chuyển : 6.409 triệu đồng
- + Vệ sinh thùng rác công cộng : 1.177 triệu đồng
- + Phân loại chất thải rắn tại nguồn : 10.500 triệu đồng
- + Công tác bảo vệ môi trường : 650 triệu đồng

Dự toán dự kiến giao: 46.588 triệu đồng, trong đó: dự toán Thành phố giao: 45.737 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 851 triệu đồng.

+ Công tác quét rác, thu gom, vận chuyển rác, vận hành trạm trung chuyển và vệ sinh thùng rác công cộng: 34.587 triệu đồng. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện thực hiện nhiệm vụ chi.

+ Phân loại rác tại nguồn: 10.500 triệu đồng. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và UBND các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chi.

+ Công tác môi trường: 650 triệu đồng. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện nhiệm vụ chi.

+ Cân đối kết dư ngân sách huyện: 851 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Kinh phí ngân sách thực hiện cung ứng dịch vụ thu gom vận chuyển rác sau khi đã giảm trừ giá dịch vụ thu từ chủ nguồn thải trong năm 2021: 830 triệu đồng

* Kinh phí tư vấn để thực hiện đấu thầu cung ứng dịch vụ thu gom vận chuyển rác năm 2018, 2019, 2020 (Chi phí tư vấn lập dự toán; Chi phí tư vấn lập dự toán thẩm tra dự toán): 21 triệu đồng

e) Sự nghiệp kinh tế khác: 7.464 triệu đồng.

- Dự toán Thành phố giao : 12.490 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao : 7.464 triệu đồng, trong đó:

+ Kinh phí hoạt động của Ban An toàn giao thông: 1.000 triệu đồng (trong đó ngân sách Trung ương 800 triệu đồng, ngân sách Thành phố 200 triệu đồng). Giao Công an huyện (Ban An toàn giao thông huyện).

+ Kinh phí quản trang, bảo vệ tượng đài: 500 triệu đồng. Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện thực hiện nhiệm vụ chi cho công tác quản lý, chăm sóc, quét dọn mộ,... tại Nghĩa trang Liệt sĩ An Nhơn Tây.

+ Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất: 600 triệu đồng. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện thực hiện nhiệm vụ chi.

+ Kinh phí thực hiện thu nhập tăng thêm đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên: 3.815 triệu đồng. Cụ thể:

* Ban quản lý Chợ : 257 triệu đồng

* Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện: 2.256 triệu đồng

* Ban Bồi thường - Giải phóng mặt bằng : 1.195 triệu đồng

* Ban Quản lý Bến xe Củ Chi : 107 triệu đồng

+ Cân đối kết dư ngân sách huyện: 1.549 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Kinh phí thực hiện công tác đo đạc, kiểm kê và các chi phí khác của 206 trường hợp ký hợp đồng thuê khoán đất thuộc nông trường Tam Tân: 949 triệu đồng.

* Kinh phí lập kế hoạch sử dụng đất của huyện năm 2023: 600 triệu đồng.

- Điều chuyển kinh phí quản lý bồn nước sạch tập trung về các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chỉ là 10.390 triệu đồng (481 bồn x 1.800.000 đồng x 12 tháng).

2.1.2 Sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 1.182.323 triệu đồng

Dự toán Thành phố giao : 1.175.982 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao : 1.182.323 triệu đồng, trong đó: dự toán Thành phố giao: 1.175.982 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 6.341 triệu đồng.

a) Sự nghiệp giáo dục

- Dự toán Thành phố giao : 1.157.867 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao : 1.157.867 triệu đồng, trong đó:

+ Trợ cấp xã vùng sâu theo Quyết định số 34/2011/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố: 16.280 triệu đồng (1.938 người x 8,4 trđ/người/năm).

+ Hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập: 16.839 triệu đồng.
Cụ thể:

Thực hiện tại điểm đ, khoản 3, Điều 19 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP đối với Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện.

Người tốt nghiệp trung học cơ sở học tiếp lên trình độ trung cấp đối với Trường Trung cấp nghề 1 triệu đồng/tháng x 10 tháng

Miễn 100% học phí đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, trẻ mồ côi; giảm 50% học phí đối với học sinh thuộc diện hộ cận nghèo theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ như sau: Khối mầm non: 100.000 đồng/tháng/học sinh; Khối THCS: 30.000đồng/tháng/học sinh.

Miễn 100% học phí hai buổi/ngày đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, giảm 50% học phí hai buổi/ngày đối với học sinh thuộc diện hộ cận nghèo: Khối Tiểu học: 60.000 đồng/tháng/học sinh; Khối THCS: 70.000đồng/tháng/học sinh.

Mức hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện hộ nghèo, học sinh khuyết tật, trẻ mồ côi mức 150.000 đồng/tháng/học sinh.

+ Hỗ trợ tiền ăn trưa trẻ 3-5 tuổi theo khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ: 320 triệu đồng (222 trẻ x 0,160 trđ/trẻ/tháng x 9 tháng).

+ Hỗ trợ CBVC làm công tác y tế học đường theo Quyết định số 06/2015/QĐ-UBND ngày 27/01/2015 của Ủy ban nhân dân: 238 triệu đồng (44 người x 450.000đồng/tháng).

+ Hỗ trợ giáo dục mầm non đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và giáo sinh mới ra trường theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐND ngày 14/6/2014 của Hội đồng nhân dân Thành phố: 14.637 triệu đồng, cụ thể: Đối với cán bộ quản

lý, giáo viên, nhân viên: Hỗ trợ thêm 25% tiền lương/tháng; Đối với cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên nuôi dưỡng trực tiếp giảng dạy nhóm lớp 6 tháng đến 18 tháng tuổi: Hỗ trợ thêm 35% tiền lương/tháng; Đối với giáo viên mầm non mới ra trường được tuyển dụng mới: Hỗ trợ thêm cho giáo viên mới ra trường theo mức như sau:

- * Năm đầu được tuyển dụng : Hỗ trợ 100% lương cơ sở/người/tháng
- * Năm thứ hai sau khi được tuyển dụng : Hỗ trợ 70% lương cơ sở/người/tháng
- * Năm thứ ba sau khi được tuyển dụng : Hỗ trợ 50% lương cơ sở/người/tháng
- * Từ năm thứ tư thực hiện chế độ tiền lương cho giáo viên theo quy định hiện hành.

+ Chính sách thu hút giáo viên mầm non theo Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐND ngày 06/7/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố: 11.623 triệu đồng. Cụ thể: Mức hỗ trợ cho giáo viên mầm non (không áp dụng đối với giáo viên hợp đồng): 650.000 đồng/người/tháng x 9 tháng/năm; Mức hỗ trợ khuyến khích đối với giáo viên mầm non theo trình độ chuyên môn: Trình độ thạc sĩ: 1.500.000 đồng, trình độ đại học: 900.000 đồng, trình độ cao đẳng: 550.000 đồng (12 tháng/năm).

+ Kinh phí chi thu nhập tăng thêm: 425.798 triệu đồng (hệ số 1.8).

+ Kinh phí chính sách đặc thù hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 11/10/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố: 18.152 triệu đồng (khối THCS: 70.000 đồng/tháng/học sinh; Trung tâm GDNN-GDTX: 100.000 đồng/tháng/học sinh).

+ Kinh phí chính sách phát triển giáo dục mầm non ở địa bàn có khu công nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị quyết số 27/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố: 2.762 triệu đồng, cụ thể:

Hỗ trợ cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có Khu công nghiệp (dưới 30 trẻ: 20 triệu đồng/năm; từ 30 trẻ đến dưới 50 trẻ: 35 triệu đồng/năm; từ 50 trẻ đến 70 trẻ: 50 triệu đồng/năm)

Hỗ trợ cho trẻ em mầm non là con em người lao động làm việc tại Khu Công nghiệp 160.000 đồng/tháng;

Hỗ trợ giáo viên tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có Khu công nghiệp: 800.000 đồng/tháng;

+ Kinh phí chi phụ cấp đối với giáo viên dạy trẻ hòa nhập khuyết tật theo Công văn số 3649/STC-NS ngày 17/6/2019 của Sở Tài chính Thành phố: 10.098 triệu đồng (chỉ theo số tiết dạy thực tế của giáo viên trực tiếp dạy lớp có học sinh khuyết tật).

+ Tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của

Chính phủ) (39 người) : 7.060 triệu đồng (nghỉ theo chế độ được UBND Thành phố phê duyệt).

+ Kinh phí giáo dục phổ thông: 628.529 triệu đồng (đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương, (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) đối với biên chế có mặt được tính theo hệ số thực tế; đối với biên chế giáo viên dự kiến tuyển dụng trong năm sẽ được bố trí theo kế hoạch tuyển dụng. Hoạt động phân bổ theo định mức: Mầm non: 1,520 triệu đồng/học sinh; Tiểu học: 0,96 triệu đồng/học sinh; Trung học cơ sở: 0,72 triệu đồng/học sinh. Ngoài ra cân đối bố trí thực hiện các hoạt động của ngành giáo dục, hỗ trợ chi tết, phúc lợi chi giáo viên, viên chức các trường; Hỗ trợ hợp đồng bảo vệ, phục vụ, kế toán, giáo viên

+ Trường Nuôi dạy trẻ em khuyết tật: 5.531 triệu đồng.

Trong đó:

* Kinh phí hoạt động thường xuyên : 3.509 triệu đồng

* Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 2.022 triệu đồng

+ Trường Bồi dưỡng giáo dục: Không bố trí do giải thể.

Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tham mưu Ủy ban nhân dân huyện quyết định phân bổ, giao dự toán chi ngân sách giáo dục cho các cơ sở giáo dục thuộc huyện theo nguyên tắc:

* Đảm bảo quỹ tiền lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn) (đối với biên chế có mặt được tính theo hệ số thực tế; đối với biên chế giáo viên dự kiến tuyển dụng trong năm sẽ được bố trí theo kế hoạch tuyển dụng. Hoạt động phân bổ theo định mức: Mầm non: 1,520 triệu đồng/học sinh; Tiểu học: 0,96 triệu đồng/học sinh; Trung học cơ sở: 0,72 triệu đồng/học sinh. Ngoài ra cân đối bố trí thực hiện các hoạt động của ngành giáo dục, hỗ trợ chi tết, phúc lợi chi giáo viên, viên chức các trường; Hỗ trợ hợp đồng bảo vệ, phục vụ, kế toán, giáo viên...

* Đối với kinh phí mua sắm: Căn cứ nhu cầu mua sắm của các trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện khảo sát và tùy theo loại hình đơn vị sự nghiệp cân đối nguồn kinh phí phù hợp đề xuất trình Ủy ban nhân dân huyện giao dự toán để thực hiện.

* Đối với kinh phí sửa chữa nhỏ: Phân bổ theo định mức 30 triệu đồng/đơn vị.

* Đối với kinh phí sửa chữa lớn: Căn cứ nhu cầu sửa chữa của các trường, Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; Phòng Quản lý đô thị huyện; Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện khảo sát và cân đối nguồn kinh phí trình Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực huyện làm chủ đầu tư.

b) Trường Trung cấp nghề Củ Chi

- Dự toán Thành phố giao : 8.669 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao : 8.669 triệu đồng

Trong đó:

- + Kinh phí hoạt động thường xuyên : 4.061 triệu đồng
- + Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 4.608 triệu đồng

c) Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên huyện

- Dự toán Thành phố giao : 6.996 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 6.996 triệu đồng

Trong đó:

- + Kinh phí hoạt động thường xuyên : 3.547 triệu đồng
- + Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 3.449 triệu đồng

d) Kinh phí đào tạo

- Dự toán Thành phố giao : 2.450 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 2.450 triệu đồng

Trong đó:

- + Phòng Nội vụ huyện : 2.300 triệu đồng
- + Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện : 150 triệu đồng

đ) Dự toán còn lại: 0 triệu đồng.

e) Cân đối kết dư ngân sách huyện: 6.341 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ sau:

* Kinh phí sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2021 - Khối mầm non: 999 triệu đồng

* Sửa chữa nhỏ tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành giáo dục huyện năm 2021 - Khối Tiểu học: 2.659 triệu đồng

* Sửa chữa Trường Tiểu học Tân Thành: 882 triệu đồng

* Sửa chữa Trường Mầm non Phước Thạnh: 810 triệu đồng

* Sửa chữa Trường Tiểu học Liên Minh Công Nông: 991 triệu đồng

2.1.3 Sự nghiệp y tế: 146.636 triệu đồng.

- Dự toán Thành phố giao : 72.998 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao : 72.323 triệu đồng, trong đó: dự toán Thành phố giao: 70.406 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 1.917 triệu đồng.

a) Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.390 triệu đồng.

- Dự toán Thành phố giao : 3.981 triệu đồng

- Dự toán dự kiến giao : 1.390 triệu đồng

trong đó:

+ Kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu người cao tuổi: 1.390 triệu đồng. Giao Phòng Y tế huyện Củ Chi thực hiện nhiệm vụ chi.

+ Điều chuyển kinh phí chúc thọ, mừng thọ về các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chi cho đối tượng người cao tuổi trên địa bàn là 2.591 triệu đồng.

b) Kinh phí mua thẻ Bảo hiểm y tế: 69.017 triệu đồng.

- Dự toán Thành phố giao : 69.017 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 69.017 triệu đồng

trong đó:

+ Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế đối với đối tượng bảo trợ xã hội (7.745 triệu đồng); đối với trẻ em dưới 6 tuổi (26.345 triệu đồng); đối với học sinh, sinh viên (16.147 triệu đồng). Giao Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện thực hiện nhiệm vụ chi trên cơ sở số liệu xác nhận giữa Bảo hiểm Xã hội huyện Củ Chi và Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện/xã/ trường .

+ Kinh phí mua thẻ bảo hiểm y tế đối với hộ nghèo chuẩn 1,2 (10.726 triệu đồng); đối với hộ nghèo chuẩn 3a, hộ cận nghèo (5.694 triệu đồng); đối với người có công cách mạng (2.360 triệu đồng). Giao Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện thực hiện nhiệm vụ chi.

c) Cân đối kết dư ngân sách huyện là 1.917 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

* Cải tạo sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng cho Trạm Y tế xã Phước Thạnh thực hiện mô hình điểm, số tiền 100 triệu đồng.

* Kinh phí khám nghĩa vụ quân sự, số tiền 546 triệu đồng.

* Kinh phí sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Liên Trung làm khu vực cách ly tập trung thứ nhất của huyện, số tiền là: 927 triệu đồng.

* Kinh phí sửa chữa cải tạo Trường Mầm non Tân An Hội làm khu vực cách ly tập trung thứ hai của huyện, số tiền là: 344 triệu đồng.

(Thực hiện nhiệm vụ khẩn cấp trong phòng chống dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo sửa chữa cải tạo đưa vào sử dụng 02 khu cách ly phòng chống dịch bệnh tại Trường Tiểu học Liên Trung, Trường Mầm non Tân An Hội. Ủy ban nhân dân huyện đã có Công văn số 11451/UBND-TCKH ngày 22 tháng 11 năm 2021 kiến nghị thành phố bố trí vốn năm 2022 để tất toán công trình. Trường hợp thành phố không bố trí vốn, kiến nghị sử dụng nguồn kết dư ngân sách huyện để bố trí tất toán công trình).

2.1.4 Sự nghiệp Văn hóa Thông tin: 14.548 triệu đồng.

a) Trung tâm Văn hóa huyện

- Dự toán Thành phố giao : 5.735 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 5.735 triệu đồng

trong đó:

- + Kinh phí hoạt động thường xuyên : 2.970 triệu đồng
- + Kinh phí hoạt động không thường xuyên : 500 triệu đồng
- + Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 2.265 triệu đồng

b) Đài truyền thanh huyện

- Dự toán Thành phố giao : 6.697 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 6.697 triệu đồng

Trong đó:

- + Kinh phí hoạt động thường xuyên : 3.738 triệu đồng
- + Kinh phí hoạt động không thường xuyên : 0 triệu đồng
- + Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 2.959 triệu đồng

c) Nhà thiếu nhi huyện

- Dự toán Thành phố giao : 1.616 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 1.616 triệu đồng

trong đó:

- + Kinh phí hoạt động thường xuyên : 883 triệu đồng
- + Kinh phí hoạt động không thường xuyên : 300 triệu đồng
- + Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 433 triệu đồng

d) Sự nghiệp văn hóa thông tin khác

- Dự toán Thành phố giao : 500 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 500 triệu đồng

Kinh phí hoạt động không thường xuyên: 500 triệu đồng. Huyện sẽ căn cứ nhiệm vụ phát sinh theo chỉ đạo của Thành phố, Huyện ngoài dự toán giao đầu năm của các cơ quan, đơn vị, Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp, cân đối trình Ủy ban nhân dân huyện duyệt và phân bổ dự toán đối với từng nhiệm vụ chi cụ thể.

đ) Dự toán còn lại: 0 triệu đồng.

2.1.5 Sự nghiệp thể dục thể thao: 4.424 triệu đồng

- Dự toán Thành phố giao : 4.424 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 4.424 triệu đồng

trong đó:

- + Kinh phí hoạt động thường xuyên : 2.189 triệu đồng
- + Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 1.735 triệu đồng
- + Kinh phí hoạt động không thường xuyên : 500 triệu đồng

2.1.6 Sự nghiệp xã hội: 149.659 triệu đồng

- Dự toán Thành phố giao : 148.869 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 149.659 triệu đồng

Trong đó: dự toán Thành phố giao: 148.869 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 790 triệu đồng.

+ Giao Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội huyện thực hiện các nhiệm vụ chi với kinh phí là 147.629 triệu đồng, cụ thể:

- * Trợ cấp Tết Nguyên đán : 44.622 triệu đồng
- * Trợ cấp ngày 27/7 : 16.287 triệu đồng
- * Trợ cấp đối với đối tượng bảo trợ xã hội : 71.209 triệu đồng
- * Cứu tế khác : 8.558 triệu đồng

(Chi đảm bảo xã hội khác: 1.700 triệu đồng; Chi 3 giảm: 668 triệu đồng; kinh phí phòng chống ma túy theo Thông tư liên tịch số 148/2014/TTLT-BTC-BLDTBXH ngày 08/10/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chế độ áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; chế độ đối với người chưa thành niên, người tự nguyện chữa trị, cai nghiện tại trung tâm chữa bệnh - giáo dục - lao động xã hội và tổ chức cai nghiện ma túy tại gia đình và cộng đồng: 200 triệu đồng).

- * Trợ cấp người có công cách mạng hằng tháng : 2.880 triệu đồng
- * Đào tạo nghề lao động làm việc tại nước ngoài : 100 triệu đồng
- * Kinh phí phụng dưỡng mẹ Việt Nam anh hùng : 912 triệu đồng
- * Kinh phí hỗ trợ tiền điện hộ nghèo : 2.291 triệu đồng
- * Kinh phí chi trả trợ cấp XH qua bưu điện : 770 triệu đồng
- + Cân đối kết dư ngân sách huyện: Sửa chữa một số hạng mục hư hỏng, xuống cấp tại Nghĩa trang liệt sỹ huyện Củ Chi: 790 triệu đồng

+ Kinh phí hỗ trợ tiền đóng BHXH tự nguyện: 1.234 triệu đồng (giao Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện thực hiện nhiệm vụ chi trên cơ sở đối chiếu số liệu đề nghị kinh phí của Bảo hiểm xã hội huyện Củ Chi).

- + Dự toán còn lại : 6 triệu đồng.

- Giao các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chi với kinh phí đối với người có công cách mạng là 764 triệu đồng; đối với kinh phí khuyến khích hỏa táng là 747 triệu đồng.

2.1.7 Quản lý nhà nước – Đoàn thể: 156.062 triệu đồng.

a) Quản lý nhà nước: 130.476 triệu đồng

- Dự toán Thành phố giao : 75.348 triệu đồng
 - Dự toán dự kiến giao : 130.476 triệu đồng, trong đó: dự toán Thành phố giao: 75.348 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 55.128 triệu đồng.

+ Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ : 67.998 triệu đồng

* Biên chế : 39.841 triệu đồng

* Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ : 0 triệu đồng

* Tinh giản biên chế (Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07/12/2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ) : 0 triệu đồng

* Kinh phí chi thu nhập tăng thêm : 28.157 triệu đồng

+ Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ : 7.349 triệu đồng

* Hoạt động ngoài khoán khối QLNN : 4.738 triệu đồng

* Kinh phí sinh hoạt hè : 694 triệu đồng

(Nguyên tắc giao trên số lượng học sinh tham gia sinh hoạt hè (67.227 học sinh x 47.000đồng/học sinh = 3.160 triệu đồng). Huyện dự kiến giao kinh phí sinh hoạt hè như sau: giao các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chi: 2.466 triệu đồng (65.571 học sinh x 47.000 đồng/học sinh x 80%); phần còn lại giao Huyện đoàn thực hiện nhiệm vụ chi: 694 triệu đồng).

* Kinh phí Hội đồng nhân dân : 1.521 triệu đồng

(Trong đó: kinh phí hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân huyện là 286 triệu đồng (40 người x 596.000 đ/người/tháng x 12 tháng) và kinh phí hoạt động của Hội đồng nhân dân huyện là 1.235 triệu đồng).

* Kinh phí cộng tác viên đội trật tự đô thị : 396 triệu đồng

* Kinh phí triển khai ứng dụng CNTT tại huyện : 0 triệu đồng

+ Cân đối kết dư ngân sách huyện là 55.129 triệu đồng để thực hiện các nhiệm vụ như sau:

* Kinh phí thực hiện không tự chủ, khối quản lý nhà nước và khối đoàn thể, kinh phí chi không thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp: 25.835 triệu đồng.

* Kinh phí thực hiện chi trả kinh phí hoạt động của 02 tổ công tác theo Quyết định số 3258/QĐ ngày 09 tháng 9 năm 2021 và Quyết định số 3349/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố (206

trường hợp ký hợp đồng thuê khoán đất thuộc nông trường Tam Tân): 52 triệu đồng.

* Hệ thống quản lý thông tin trên địa bàn trên nền công nghệ số - ứng dụng công nghệ GIS: 7.620 triệu đồng.

* Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND huyện Củ Chi: 11.974 triệu đồng.

* Tạo lập dữ liệu số hóa văn bản, tài liệu, hồ sơ tại UBND huyện Củ Chi: 9.543 triệu đồng.

* Thí điểm công khai quy hoạch qua mạng trên địa bàn 4 xã và Thị trấn Củ Chi: 105 triệu đồng.

- Về việc tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC:

Đối với các cơ quan hành chính nhà nước: Sau khi tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, các cơ quan hành chính tiếp tục tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên so với dự toán năm 2022 (sau khi trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liễm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023).

b) Khối đoàn thể: 17.786 triệu đồng

- Dự toán Thành phố giao : 17.774 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 17.786 triệu đồng

trong đó: dự toán Thành phố giao: 17.774 triệu đồng; cân đối phụ cấp trách nhiệm hướng dẫn tập sự từ chi khác ngân sách huyện: 12 triệu đồng.

- + Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ : 13.225 triệu đồng
- * UBMTTQ Việt Nam huyện : 3.176 triệu đồng
- * Huyện đoàn : 2.798 triệu đồng
- * Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện : 2.919 triệu đồng
- * Hội Cựu chiến binh huyện : 1.284 triệu đồng
- * Hội Nông dân huyện : 3.048 triệu đồng
- + Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ : 4.561 triệu đồng
- * Hoạt động ngoài khoán : 2.200 triệu đồng
- * Kinh phí chi chế độ thù lao cho người nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo của các Hội đặc thù trên địa bàn : 852 triệu đồng
- * Kinh phí hoạt động của Hội Chữ thập đỏ : 1.107 triệu đồng
- * Kinh phí quản lý Quỹ Vì người nghèo : 360 triệu đồng

* Kinh phí hỗ trợ sinh hoạt phí Ủy viên UBMTTQ Việt Nam: 42 triệu đồng
(29 người x 120.000 đồng/tháng x 12 tháng)

c) *Kinh phí thi đua khen thưởng: 7.300 triệu đồng*

- Dự toán Thành phố giao : 7.690 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 7.300 triệu đồng
- Giao các xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chi : 390 triệu đồng

d) *Kinh phí trợ cấp thôi việc : 500 triệu đồng*

2.1.8 An ninh – quốc phòng: 8.000 triệu đồng

- Dự toán Thành phố giao : 8.000 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 8.000 triệu đồng

Trong đó:

- + Công an huyện : 3.000 triệu đồng
- + Ban Chỉ huy Quân sự huyện : 5.000 triệu đồng

2.1.9 Chi khác: 12.396 triệu đồng:

- Dự toán Thành phố giao : 10.864 triệu đồng
- Dự toán dự kiến giao : 12.396 triệu đồng

(Trong đó: dự toán Thành phố giao: 9.396 triệu đồng và cân đối từ kết dư ngân sách huyện là 3.000 triệu đồng).

+ Hỗ trợ khôi nội chính: 0 đồng.

+ Chi khác cân đối từ nguồn thu khác và phí, lệ phí: 2.859 triệu đồng.

+ Chi khác cân đối ngân sách huyện: 6.537 triệu đồng. Huyện sẽ căn cứ nhiệm vụ chi phát sinh theo chỉ đạo của Thành phố, Huyện ngoài dự toán giao đầu năm của các cơ quan, đơn vị, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện tổng hợp, cân đối trình Ủy ban nhân dân huyện duyệt và phân bổ dự toán đối với từng nhiệm vụ chi cụ thể.

+ Cân đối kết dư ngân sách huyện 3.000 triệu đồng: thực hiện ủy thác sang Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Củ Chi cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Cân đối phụ cấp trách nhiệm hướng dẫn tập sự đối với Huyện đoàn từ chi khác Thành phố giao: 12 triệu đồng.

- Cân đối giao xã, thị trấn thực hiện nhiệm vụ chi: 1.456 triệu đồng.

2.1.10 Dự phòng ngân sách: 42.417 triệu đồng.

- Dự toán Thành phố giao : 48.271 triệu đồng.
- Dự toán dự kiến giao : 42.417 triệu đồng.

- Cân đối giao các xã, thị trấn thực hiện : 5.854 triệu đồng.

2.2. Phân bổ dự toán chi ngân sách xã, thị trấn: 368.198 triệu đồng, tăng 57.650 triệu đồng, tương ứng tăng 18,56% so với dự toán năm 2022 (310.548 triệu đồng). Nguyên tắc giao:

2.2.1 Kinh phí khoán chi quản lý hành chính

- Về số lượng biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã được bố trí dự toán theo quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ.

- Về định mức khoán chi quản lý hành chính năm 2023, định mức chi cho biên chế có mặt theo hệ số lương tại thời điểm tháng 8/2022, bao gồm dự kiến tăng lương 4 tháng cuối năm 2022 và trong năm 2023. Đối với cán bộ công chức chưa có mặt bố trí kinh phí theo mức bình quân hệ số 2,34. Bên cạnh đó bố trí kinh phí hoạt động cho biên chế có mặt và biên chế chưa có mặt với mức khoán 56 triệu đồng/biên chế/năm.

- Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2012/NĐ-CP ngày 15 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về chế độ phụ cấp công vụ thì cán bộ, công chức phường – xã, thị trấn thuộc đối tượng hưởng 25% phụ cấp công vụ, còn cán bộ không chuyên trách không thuộc đối tượng hưởng 25% phụ cấp công vụ.

- Năm 2023, Thành phố tiếp tục đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách chi tăng thu nhập theo quy định tại khoản 3, Điều 6 Nghị quyết số 54/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Quốc hội với hệ số tăng thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức dự kiến là 1,8 lần so với tiền lương theo ngạch, bậc, chức vụ.

2.2.2. Về việc tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 47/2022/TT-BTC:

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính: *“Bên cạnh việc tiếp tục tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, thực hiện tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước ngay từ khâu xây dựng dự toán (trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liêm, chi theo các hợp đồng cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) để dành nguồn tăng chi đầu tư phát triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp.”*

Đối với Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn: Sau khi tiết kiệm 10% chi thường xuyên để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tiếp tục tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên so với dự toán năm 2022 (sau khi trừ các khoản chi tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản chi có tính chất lương, các khoản chi cho con người theo chế độ và các khoản chi đặc thù không thể cắt giảm như đóng niên liêm, chi theo các hợp đồng

cung ứng hàng hóa, dịch vụ đã ký kết từ trước và tiếp tục thực hiện trong năm 2023) theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 14 Thông tư số 47/2022/TT-BTC ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính.

2.2.2 Các nội dung chi theo định mức khoán:

Các nội dung chi theo định mức khoán giữ nguyên và tiếp tục thực hiện trong năm 2023 cụ thể:

- Hỗ trợ chương trình nông thôn mới: 300 triệu đồng/xã/năm. Thực hiện các nội dung chi như: tuyên truyền vận động con em tới trường, thực hiện nếp sống văn minh, xây dựng phong trào gia đình văn hóa, xây dựng giải pháp quản lý tệ nạn xã hội, tuyên truyền vận động an ninh trật tự xã hội, xây dựng hệ thống chính trị xã hội vững mạnh...

- Hỗ trợ quốc phòng an ninh: 331 triệu đồng/xã-thị trấn/năm. Chi hỗ trợ hoạt động của lực lượng dân quân tự vệ và các hoạt động giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn ở xã, thị trấn.

- Kinh phí hỗ trợ hoạt động các khu vui chơi, thể thao đa năng đối với xã Phạm Văn Cội và xã Bình Mỹ: 100 triệu đồng/khu/năm.

- Hỗ trợ đối với khu phố, ấp, tổ dân phố, tổ nhân dân theo Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố và Công văn số 1818/UBND-VX ngày 03 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố: mức khoán hỗ trợ là 2.500.000 đồng/tháng và hỗ trợ mỗi tổ dân phố, tổ nhân dân (đối với người làm công tác tổ trưởng, tổ phó tổ dân phố, tổ nhân dân) là: 200.000 đồng/tháng.

- Chi hỗ trợ Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư thực hiện Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” theo Nghị quyết số 08/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố:

- + Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã: 20.000.000 đồng/năm/xã.

- + Ban Công tác Mặt trận ở khu dân cư: Đối với khu dân cư có quy mô dân số dưới 700 hộ dân: 5.000.000 đồng/năm/khu dân cư; Khu dân cư có quy mô trên 700 hộ dân: Cứ tăng thêm 200 hộ dân thì được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/năm/khu.

- Kinh phí mua báo Sài Gòn Giải phóng do điều chỉnh giá bìa (5.500 đồng/tờ tiếng Việt) theo Kết luận của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 841-TB/VPTU ngày 21 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Thành ủy.

2.2.3 Các chính sách, chế độ phát sinh

a) Bổ sung, điều chỉnh một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách và lực lượng dân quân tự vệ, công an viên, ấp khu phố các xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể:

- Đối với áp đội trưởng và dân quân tự vệ: Thực hiện theo Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với Dân quân tự vệ và Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐND ngày 07/4/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định chế độ phụ cấp hàng tháng của Khu (ấp) đội trưởng; mức trợ cấp ngày công lao động, trợ cấp ngày công lao động tăng thêm đối với Dân quân thường trực và Dân quân khi làm nhiệm vụ.

- Đối với cán bộ, công chức, không chuyên trách tại các xã, thị trấn: Thực hiện theo Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về điều chỉnh, bổ sung chế độ trợ cấp khuyến khích đối với người có trình độ đại học, trên đại học công tác tại phường, xã, thị trấn và trợ cấp trách nhiệm cho cán bộ hưu trí tham gia công tác giữ các chức danh Trưởng tổ chức chính trị - xã hội phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với Công an các xã, thị trấn: Thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 của Hội đồng nhân dân Thành phố về quy định số lượng, mức phụ cấp, chính sách hỗ trợ đối với lực lượng Công an xã bán chuyên trách được bố trí tham gia bảo đảm an ninh, trật tự tại ấp; mức chi hỗ trợ thôi việc đối với Công an xã bán chuyên trách kết thúc nhiệm vụ mà không bố trí sắp xếp được công tác khác hoặc không tiếp tục tham gia bảo đảm an ninh, trật tự tại ấp thuộc xã của 05 huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kinh phí hoạt động ngoài khoán khối quản lý nhà nước. Nguyên tắc giao: Đối với xã loại 1: 1.260 triệu đồng/xã/năm; loại 2: 1.060 triệu đồng/xã/năm. Thực hiện các nội dung chi cho công tác hòa giải, trung tâm học tập cộng đồng, hoạt động giám sát cộng đồng, hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, đảng, đoàn thể, an ninh, quốc phòng... và các hoạt động ngoài khoán khác.

- Chi thù lao cho người nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo Hội theo Quyết định số 6039/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách hội.

b) Tăng chế độ, chính sách:

- Đối với Lực lượng Quản lý dê nhân dân: thực hiện theo Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về điều chỉnh mức thù lao cho Lực lượng Quản lý dê nhân dân tại phường - xã, thị trấn (nơi có dê) trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đối với cán bộ xã, thị trấn đã nghỉ việc hưởng trợ cấp hàng tháng cán bộ xã già yếu đã nghỉ việc: Thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BNV ngày 29 tháng 01 năm 2022 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức trợ cấp hàng tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đã nghỉ việc theo Quyết định số 130-CP ngày 20 tháng 6 năm 1975 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 111-HĐBT ngày 13 tháng 10 năm 1981 của Hội đồng Bộ trưởng.

c) Giảm chế độ, chính sách:

- Giảm kinh phí chi trang phục cho lực lượng dân quân theo Chỉ thị số 75/CT-BQP ngày 17 tháng 5 năm 2022 của Bộ Quốc phòng về việc mua sắm, quản lý, mang mặc, sử dụng trang phục Dân quân tự vệ do bố trí tập trung tại Bộ Tư lệnh Thành phố.

2.2.4. Nguyên tắc bố trí dự phòng và chi khác ngân sách:

- + Dự phòng: 2% tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023.
- + Chi khác: 0,5% tổng dự toán chi thường xuyên năm 2023.

2.2.5. Các nội dung chi còn lại: Bố trí theo định mức và các mức chi theo quy định của Trung ương và Thành phố. Số lượng, đối tượng được ghi nhận tại thời điểm lập dự toán. Trong quá trình điều hành ngân sách, do chính sách, chế độ thay đổi, có khoản chi phát sinh ngoài dự toán giao sau khi đã cân đối từ 50% thu vượt (nếu có), nguồn chi khác, nguồn dự phòng hoặc từ kết dư ngân sách nếu không đảm bảo đề nghị Ủy ban nhân dân huyện xem xét, bổ sung.

2.2.6. Đối với số dư dự toán còn lại: 5.390 triệu đồng từ sự nghiệp y tế, sự nghiệp xã hội; kinh phí quản lý nhà nước; an ninh quốc phòng tại các xã, thị trấn...căn cứ vào nhiệm vụ chi phát sinh theo chỉ đạo của Thành phố, Huyện ngoài dự toán giao đầu năm đối với các xã, thị trấn. Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tổng hợp, cân đối trình Ủy ban nhân dân huyện xem xét, giải quyết đối với từng nhiệm vụ phát sinh cụ thể.

2.3. Cân đối ngân sách

2.3.1 Tỷ lệ điều tiết ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp

a) Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh:

Tỷ lệ phân chia nguồn thu thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với huyện Củ Chi là 21%.

b) Tỷ trọng lệ phí trước bạ nhà, đất trong tổng lệ phí trước bạ:

Lệ phí trước bạ nhà, đất là một khoản thu trong tổng thu lệ phí trước bạ và là khoản thu điều tiết ngân sách huyện được hưởng với tỷ lệ là 16% tổng thu lệ phí trước bạ trên địa bàn huyện.

Trên cơ sở số thu lệ phí trước bạ nhà, đất của ngân sách huyện, tỷ lệ điều tiết cho ngân sách xã được hưởng là 70%.

2.3.2 Bổ sung cân đối dự toán năm 2023: 287.040 triệu đồng.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI

